

Số: 104/TB - UBND

Phượng Kỳ, ngày 15 tháng 11 năm 2021

THÔNG BÁO NIÊM YẾT CÔNG KHAI
Kết quả điều tra, rà soát và danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo,
hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo năm 2021

Căn cứ Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 24/2021/QĐ-TTG ngày 16/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022 - 2025;

Căn cứ Thông tư số 07/2021/TT-LĐTBXH ngày 18/7/2021 của Bộ Lao động Thương binh và xã hội về việc hướng dẫn phương pháp rà soát, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo; xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022 - 2025 và mẫu biểu báo cáo;

Căn cứ Biên bản họp dân thống nhất kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2021 trên địa bàn các thôn.UBND xã Phượng Kỳ tổ chức niêm yết công khai kết quả rà soát và danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo năm 2021 tại trụ sở UBND xã, Nhà văn hóa các thôn, đọc trên Đài truyền thanh xã.

(Có danh sách kèm theo)

Thời gian niêm yết: 03 ngày làm việc, từ 07 giờ 30 phút ngày 16 tháng 11 năm 2021 đến 16 giờ 30 phút, ngày 18 tháng 11 năm 2021.

Trong thời gian niêm yết, đề nghị nhân dân theo dõi, nắm bắt nếu có ý kiến phản ánh, kiến nghị, đề nghị gửi bằng văn bản về UBND xã để xem xét giải quyết theo quy định hiện hành./.

Nơi nhận:

- Đài truyền thanh;
- Ban chỉ đạo rà soát HN, HCN;
- Trưởng các thôn;
- Lưu: VP.

CHỦ TỊCH

Tấn Văn Duẩn

DANH SÁCH PHÂN LOẠI HỘ NGHÈO, HỘ CẬN NGHÈO NĂM 2021

Kèm theo Thông báo số 104/TB-UBND ngày 15/11/2021 của UBND xã Phụng Kỳ

STT	Họ và tên chủ hộ	Năm sinh		Dân tộc	Địa chỉ	Tổng điểm B1, B2	
		Nam	Nữ			Điểm B1	Điểm B2
I	Hộ nghèo						
1	Phạm Tất Tú	1975		Kinh	Quốc Lập - Như Lâm	140	30
2	Phạm Thị Xuyên		1953	Kinh	Quốc Lập - Như Lâm	120	30
3	Phạm Đức Mạnh	1981		Kinh	Quốc Lập - Như Lâm	95	30
4	Phạm Phan Học	1957		Kinh	Quyết Thắng - Như Lâm	110	30
5	Phạm Khắc Trà	1949		Kinh	Quyết Thắng - Như Lâm	140	30
6	Phạm Thị Tính		1948	Kinh	Hồng Lạc - Như Lâm	110	30
7	Đắc Thị Nhũn		1935	Kinh	Đoàn Kết - Tân Hợp	115	40
8	Nguyễn Ngọc Thi	1975		Kinh	Đoàn Kết - Tân Hợp	130	50
9	Nguyễn Thị Quánh		1931	Kinh	Đồng Tâm - Tân Hợp	110	40
10	Vũ Thị Thía		1976	Kinh	Đại Đồng - Tân Hợp	140	30
11	Nguyễn Thị Uyên		1939	Kinh	Đại Đồng - Tân Hợp	120	30
12	Phạm Thị Biên		1951	Kinh	Đại Đồng - Tân Hợp	100	40
13	Trần Thị Mỹ		1956	Kinh	Đại Đồng - Tân Hợp	75	40
14	Nguyễn Thị Gái		1939	Kinh	Hòa Tiến - Tân Hợp	140	30
15	Vũ Thị Tấn		1948	Kinh	Hòa Tiến - Tân Hợp	120	30
16	Nguyễn Thị Hiện		1953	Kinh	Hòa Tiến - Tân Hợp	130	30
17	Tân Văn Kho	1961		Kinh	Hòa Tiến - Tân Hợp	110	40
18	Vũ Văn Tràng	1950		Kinh	Cự Đà - Tân Hợp	120	30

II	Hộ cận nghèo						
1	Nguyễn Thị Nết		1930	Kinh	Quốc Lập - Như Lâm	125	20
2	Bùi Phú Tạo	1943		Kinh	Quốc Lập - Như Lâm	110	20
3	Nguyễn Trọng Hoàn	1953		Kinh	Quốc Lập - Như Lâm	115	20
4	Nguyễn Thị Dung		1982	Kinh	Quốc Lập - Như Lâm	140	20
5	Nguyễn Trọng Nhã	1952		Kinh	Quốc Lập - Như Lâm	110	20
6	Nguyễn Thị Huyền		1975	Kinh	Quốc Lập - Như Lâm	135	20
7	Phạm Tất Tân	1944		Kinh	Quốc Lập - Như Lâm	115	20
8	Nguyễn Thị Thuân		1934	Kinh	Hồng Lạc - Như Lâm	140	20
9	Phạm Tất Ngừng	1955		Kinh	Hồng Lạc - Như Lâm	140	20
10	Phạm Trung Nghi	1952		Kinh	Hồng Lạc - Như Lâm	125	20
11	Phạm Đức Nguyễn	1964		Kinh	Quyết Thắng - Như Lâm	120	20
12	Phạm Thị Mùi		1979	Kinh	Quyết Thắng - Như Lâm	135	20
13	Phạm Đức Huân	1968		Kinh	Quyết Thắng - Như Lâm	130	20
14	Phạm Đức Hợi	1971		Kinh	Quyết Thắng - Như Lâm	140	20
15	Phạm Đức Bộ	1962		Kinh	Quyết Thắng - Như Lâm	140	20
16	Phạm Thị Ga		1963	Kinh	Quang Trung - Như Lâm	130	20
17	Phạm Quang Giảng	1947		Kinh	Quang Trung - Như Lâm	115	20
18	Hoàng Thị Minh		1985	Kinh	Quang Trung - Như Lâm	140	20
19	Nguyễn Thế Hào	1951		Kinh	Đồng Tiến - Như Lâm	140	20
20	Nguyễn Văn Dũng	1965		Kinh	Đồng Tiến - Như Lâm	140	20
21	Phạm Thị Thúy		1977	Kinh	Đồng Tiến - Như Lâm	140	20
22	Phạm Thị Mùi		1955	Kinh	Đồng Tiến - Như Lâm	125	20
23	Đỗ Duy Miêng	1944		Kinh	Đồng Tiến - Như Lâm	125	10
24	Nguyễn Thị Hiệp		1959	Kinh	Đồng Tiến - Như Lâm	140	20
25	Phạm Khắc Mạnh	1981		Kinh	Đồng Tiến - Như Lâm	140	20
26	Đắc Văn Ngư	1942		Kinh	Đoàn Kết - Tân Hợp	135	20

27	Đắc Thị Ngừng		1954	Kinh	Đoàn Kết - Tân Hợp	110	20
28	Vũ Quang Cư	1952		Kinh	Đoàn Kết - Tân Hợp	140	20
29	Nguyễn Như Nền	1949		Kinh	Đoàn Kết - Tân Hợp	135	20
30	Phú Văn Khoan	1953		Kinh	Đoàn Kết - Tân Hợp	125	20
31	Đắc Thị Trú (Hoa)		1960	Kinh	Đoàn Kết - Tân Hợp	140	20
32	Đắc Văn Sóc	1963		Kinh	Đoàn Kết - Tân Hợp	135	20
33	Nguyễn Thị Luyện		1955	Kinh	Đoàn Kết - Tân Hợp	120	20
34	Đắc Văn Man	1934		Kinh	Đoàn Kết - Tân Hợp	135	20
35	Hoàng Thanh Tường	1951		Kinh	Hòa Tiến - Tân Hợp	140	20
36	Vũ Thị Mận		1934	Kinh	Hòa Tiến - Tân Hợp	135	20
37	Vũ Thị Lý		1987	Kinh	Hòa Tiến - Tân Hợp	140	20
38	Vũ Thị Hồng		1965	Kinh	Hòa Tiến - Tân Hợp	140	20
39	Vũ Thị Nuôi		1952	Kinh	Hòa Tiến - Tân Hợp	135	20
40	Nguyễn Thị Thực		1947	Kinh	Hòa Tiến - Tân Hợp	140	20
41	Hoàng Thị Minh		1954	Kinh	Đại Đồng - Tân Hợp	140	20
42	Hoàng Tiến Thu	1957		Kinh	Đại Đồng - Tân Hợp	140	20
43	Phú Văn Hiều	1938		Kinh	Đại Đồng - Tân Hợp	120	20
44	Vũ Văn Chóc	1940		Kinh	Đại Đồng - Tân Hợp	135	20
45	Phú Văn Triêm	1945		Kinh	Đồng Tâm - Tân Hợp	135	20
46	Phú Thị Ngăn		1962	Kinh	Đồng Tâm - Tân Hợp	130	20
47	Phú Thị Hoa		1968	Kinh	Đồng Tâm - Tân Hợp	125	20
48	Phạm Thị Gửi		1950	Kinh	Cự Đà - Tân Hợp	135	20
49	Nguyễn Văn Chức	1952		Kinh	Cự Đà - Tân Hợp	130	20
50	Nguyễn Tiến Tám	1953		Kinh	Cự Đà - Tân Hợp	120	20

Tổng cộng số hộ nghèo: 18 hộ trên tổng số 1596 hộ dân trên địa bàn, chiếm tỷ lệ 1,12%

Tổng cộng số hộ cận nghèo: 50 hộ trên tổng số 1596 hộ dân trên địa bàn, chiếm tỷ lệ 3,13%

DANH SÁCH PHÂN LOẠI HỘ THOÁT NGHÈO, HỘ THOÁT CẬN NGHÈO NĂM 2021

Kèm theo Thông báo số 104/TB-UBND ngày 15/11/2021 của UBND xã Phụng Kỳ

STT	Họ và tên chủ hộ	Năm sinh		Dân tộc	Địa chỉ	Tổng điểm B1, B2	
		Nam	Nữ			Điểm B1	Điểm B2
A	HỘ THOÁT NGHÈO						
B	HỘ THOÁT CẬN NGHÈO						
I	Thôn Như Lâm						
1	Phạm Thị Được		1968	Kinh	Quyết Thắng - Như Lâm	165	20
2	Nguyễn Thị Bềnh		1941	Kinh	Quyết Thắng - Như Lâm	155	10
3	Nguyễn Thị Chinh		1980	Kinh	Đồng Tiến - Như Lâm	175	10
4	Nguyễn Thị Nhàn		1956	Kinh	Đồng Tiến - Như Lâm	155	10
5	Nguyễn Thị Nữ		1951	Kinh	Đồng Tiến - Như Lâm	150	10
6	Đỗ Thị Gương		1971	Kinh	Đồng Tiến - Như Lâm	150	20
7	Nguyễn Thị Nhung		1958	Kinh	Đồng Tiến - Như Lâm		
II	Thôn Tân Hợp						
1	Bùi Thị Ngát		1941	Kinh	Đại Đồng - Tân Hợp	145	10
2	Phạm Thị Duyên		1962	Kinh	Đồng Tâm - Tân Hợp	150	10
3	Nguyễn Thị Hoãn		1951	Kinh	Đại Đồng - Tân Hợp	145	10
4	Phú Văn Yên	1958		Kinh	Đồng Tâm - Tân Hợp	150	10

Tổng cộng số hộ thoát nghèo: 0 hộ trên tổng số 0 hộ nghèo trên địa bàn, chiếm tỷ lệ 0%

Tổng cộng số hộ thoát cận nghèo: 11 hộ trên tổng số 50 hộ cận nghèo trên địa bàn, chiếm tỷ lệ 22%